TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/DS-PT
Ngày: 21/9/2018.
V/v: "Tranh chấp chia di sản thừa kế ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương;

Bà Lê Thị Dung.

-***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 21tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2018/DSPT ngày 6/8/2018 về việc: "Tranh chấp chia di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 27/6/2018 của Toà án nhân dân huyện Nga Sơn bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXPT- DS ngày 29/8/2018 giữa:

***1. Nguyên đơn*:** Bà Trần Thị K, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Xóm 5, xã N, huyện N tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1966.

HKTT: Xóm 6, xã N, huyện N tỉnh Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:

3.1. Ông Trần Đức Kh, sinh năm 1958;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị L, sinh năm 1961;

Cùng địa chỉ: Xóm 6, xã N, huyện N tỉnh Thanh Hóa.

3.2. Ông Trần Văn H, sinh năm 1960;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Xóm 7, xã N, huyện N tỉnh Thanh Hóa.

3.8.Ông Vũ Văn Th, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Xóm 8, xã N, huyện N tỉnh Thanh Hóa.:

3.3. Chị Vũ Thị L, sinh năm 1974;

Người được ủy quyền: Bà Trần Thị K, sinh năm 1956

Địa chỉ: Xóm 9, xã N, huyện N tỉnh Thanh Hóa.

3.4. Anh Vũ Văn Lư; sinh năm: 1976

Người được ủy quyền: Bà Trần Thị K, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Xóm 10, xã N, huyện N tỉnh Thanh Hóa.

3.5. Anh Trần Văn N, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Xóm 11, xã N, huyện N tỉnh Thanh Hóa.

3.6. Bà Đinh Thị Ng, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Xóm 12, xã N, huyện N tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà K, ông H, bà Ng, bà H. Các đương sự còn lại đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị K trình bày:*

Bố mẹ bà là cụ Vũ Thị Cậy (chết năm 2002) và cụ Trần Đức H (Trần Văn H, chết năm 2017), sinh được 3 trai, 2 gái gồm: bà Trần Thị Nhẫn chết năm 1980 (có cH là Vũ Văn Th và 02 con là Vũ Thị L và Vũ Văn Lư); bà Trần Thị K; ông Trần ĐứcKh; ông Trần Văn H và ông Trần Văn H.

Tài sản của bố mẹ để lại là 2.800m^2 đất gồm các thửa: Thửa 242 diện tích 1.300m^2 là đất ở + đất vườn và đất canh tác tại thửa 147 + thửa 294 là 1.500m^2, các thửa đất đều tại tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính xã Nga L, đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện Nga Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số B023654 ngày 10/6/1994 mang tên cụ Trần Văn H.

Trước khi mất cụ H có họp gia đình và lập "Giấy di chúc" vào tháng 1/2015 với nội dung: Tổng diện tích theo GCN chia đều cho 5 phần, trong đó cụ H 12m ngang mặt đường tặng cho cháu N đã làm nhà và chăm sóc cụ; bà Trần Thị K, ông Trần VănKh, ông Trần Văn H và Trần Văn H mỗi suất 7m ngang mặt đường x chiều dài. Di chúc có xóm trưởng xác nhận, không có chứng thực của UBND xã Nga L.

Ông Trần Văn H và anh Trần Văn N (con trai ông H) đã xây nhà và đang ở trên một phần diện tích đất 1.300m^2.

Ông Trần Văn H là con trai út cũng có thời gian ở nhà, ông H cho rằng chị gái và các anh của ông đang sinh sống nơi khác không có quyền với đất của các cụ để lại. Do đó bà K đề nghị Tòa án xem xét chia di sản của bố mẹ theo pháp luật và không yêu cầu chia số diện tích đất 1.300m^2 cho các con của 2 cụ và cháu N. Cụ thể:

- Phần đất ao phía Đông giáp ruộng cói đề nghị chia cho bà và Vũ Văn Lư, Vũ Thị L, Vũ Văn Th (là cH và con của bà Trần Thị Nhẫn);

- Đối với ông H và bà Ng, đồng ý để ông bà được hưởng toàn bộ diện tích tính từ đốc nhà cụ H kéo đến phía Bắc giáp nhà ông Thiên, nhà ngang quay hướng Đông (của cụ H), nhà ngang quay hướng Nam (của ông H) và công trình kèm theo cho đến mốc nhà tắm; sân, ngõ đi, và phần đất vườn (trồng na) sát nhà của Trần Văn N và toàn bộ cây trồng nằm trong khuôn viên đất của ông H.

- Phần đất phía Tây (giáp ông Trần Văn Ho) đề nghị chia cho ông Trần Văn Kh, tính từ phía Nam kéo dài đến phía Bắc (đến đốc nhà ông H);

- Nhà anh Trần Văn N đang ở đề nghị chia cho ông Trần Văn H (bố đẻ anh N).

- Đối với Trần Văn N là cháu đã có công sức chăm sóc ông từ năm 2014 đến 2017, bà đề nghị trích một phần đất cho anh N.

** Tại bản tự khai ngày 27/11/2017, đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt và các đơn đề nghị trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn H và bà Đinh Thị Ng trình bày:*

Thống nhất về diện tích đất ở và các con của cụ H, cụ Cậy như bà K trình bày là đúng. Bố mẹ mất không để lại di chúc.Trên diện tích đất của các cụ, ông và cháu N đã xây nhà ở và đang quản lý. Tài sản trên đất ông và bà Ng đã tạo lập gồm: Đào ao vượt thổ, đổ đất nền vào khuôn viên đất của bố mẹ, xây nhà trên nền móng cũ của bố mẹ (do nhà tranh đã sập), xây móng nhà (hiện tại cháu N đang xây nhà nằm trên một phần móng của ông), đóng thuế và các khoản nợ của các cụ để lại cho Hợp tác xã để bố ông được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời toàn bộ các cây (na, xoài, nhãn, cau…) đều do ông trồng trên đất. Bà K cho rằng ông bỏ nhà đi 15 năm là không đúng sự thật, việc ông đi xa làm ăn để có tiền về chi phí các khoản trên cho gia đình. Việc bà K yêu cầu phân chia di sản theo pháp luật, ông và bà Ng đồng ý, nhưng trước khi chia yêu cầu các anh, chị của ông phải thanh toán toàn bộ giá trị tôn tạo và trả nợ đối với các tài sản trên đất cho vợ chồng ông.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan trình bày:*

- Theo bà Trần Thị L đại diện cho ông Trần ĐứcKh và bà Trần Thị H đại diện cho ông Trần Văn H : Đều nhất trí với trình bày của nguyên đơn. Khi cụ H mất có để lại di chúc (bản chính), bà H đã nộp cho Tòa án, nhưng di chúc không có chứng thực của UBND xã. Bà H và bà L đều thừa nhận từ tháng 4/2014, cháu N (con trai ông H)

được sự nhất trí của cụ H và một số thành viên trong gia đình đã về sinh sống và chăm sóc cho cụ H. Nay các con không tự giải quyết được, các bà đề nghị xem xét chia di sản của các cụ theo pháp luật. Các bà đề nghị lấy đất và thống nhất dành một phần để trích công sức cho anh N.

- Theo anh Trần Văn N: Năm 2014 được sự đồng ý của ông và các con của ông nên anh đã vào ở, chăm sóc ông lúc tuổi già. Ý nguyện ông cũng đồng ý cho anh một phần đất (nhưng không có văn bản) nên anh đã xây nhà để gia đình anh và ông ở. Theo diện thừa kế thì anh không được hưởng, nếu các ông bà đề nghị chia di sản là đất theo pháp luật thì ai được nhận phần đất của anh đang ở phải có trách nhiệm thanh toán giá trị về tài sản cho anh. Về công sức chăm sóc ông nếu được xem xét anh đề nghị nhận bằng đất, không lấy tiền. Về việc bà H, ông H cho anh toàn bộ diện tích đất mà anh đang ở, anh đồng ý.

- Ông Vũ Văn Th, anh Vũ Văn Lư, chị Vũ Thị L: Nhất trí tài sản của các cụ để lại là 1.300m^2 đất. Do bà Nhẫn mất sớm, ông Th cùng các con sống nơi xa nên không có điều kiện về chăm sóc. Nay bà K đề nghị chia tài sản theo pháp luật, nếu ông và các con được thừa kế, ông và chị L đồng ý để lại toàn bộ cho anh Trần Văn Lư.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Nga Sơn đã Quyết định:

Căn cứ vào: khoản 5 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS); Điều 613, Điều 614; Điều 623, Điều 649, điểm b khoản 1 Điều 650, Điều 651, Điều 652và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án

Xử:

1/ Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị K yêu cầu chia tài sản theo pháp luật của cụ Vũ Thị C và Trần Đức H (Trần Văn H) là 1.300 m^2, có giá trị là 390.000.000đ, tại tờ bản đồ số 01, thửa số 242; địa chỉ: xóm 7, xã Nga L, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có sơ đồ kèm theo).

2/ Giao ông Trần Văn Kh sở hữu diện tích đất 118,42m^2, được xác định bởi các mốc giới A,E,G,H , có giá trị 35.526.000đ, cụ thể: phía Nam (AH); phía Bắc (EG) đều =5,1m; phía Tây (AE)= 23,4m; phía Đông (GH)= 23,03m.

3/ Giao ông Trần Văn H sở hữu diện tích đất 223,3m^2, được xác định bởi các mốc giới L,M,N,P, trên đất có các cây trồng (na, cau) và ngõ đi; phía Nam (LP)= 9,85; Bắc (MN) =9,0m; phía Tây (LM)= 23,05m; phía Bắc (PN)= 24,3m và diện tích đất là 367,14m^2, được xác định bởi các mốc giới E,B,Y,O (trên đất có nhà ông H, nhà ông H+ công trình, sân): phía Nam (EO)= 25,7m; phía Bắc (BY)= 24,9m; phía Tây

(EB)= 15,4m; phía Đông (OY)= 13,61m. Ông H được sử dụng diện tích đất LMNP và EBYO có tổng diện tích là 590,44m^2, có giá trị là 177.132.000đ.

4/ Giao bà Trần Thị K sở hữu diện tích đất 220,89m^2 được xác định bởi các mốc giới P,N,O,T, có giá trị là 66.267.000đ; phía Nam (PT)= 8,58m; phía Bắc (NO)= 9,6m; phía Tây (PN)= 24,3m; phía Đông (TO) = 24,3m.

5/ Giao anh Vũ Văn Lư sở hữu diện tích đất 220,89m^2 được xác định bởi các mốc giới T,O,Q,D, có giá trị là 66.267.000đ; phía Nam (TD)= 8,58m; phía Bắc (OQ)= 9,6m; phía Tây (TO)= 24,3m; phía Đông (DQ)= 24,3m.

6/ Giao anh Trần Văn N sở hữu diện tích đất 117,5m^2 (phần chia cho ông Trần Văn H), được xác định bởi các mốc giới I,K,M,L, có giá trị 35.250.000đ, cụ thể: phía Nam (I L); phía Bắc (KM) đều=5,1m; phía Tây (IK)= 23,03m; phía Đông (ML) = 23,05m.

7/ Trích chia công sức cho Trần Văn N diện tích đất 32,24m^2**,** được xác định bởi các mốc giới H,G,K,I, có giá trị là 9.672.000đ; phía Nam (HI)= 2,4m; phía Bắc (GK)=0,4m; phía Tây (HG)= 23,03m; phía Đông (IK)= 23,03m.

Tổng diện tích anh N được sử dụng là 149,74m^2 (gồm: phần đất chia ông H và phần đất trích công sức) được xác định theo các mốc giới là H,G,M,L, có giá trị là 44.922.000đ.

8/ Tạm giao đất thừa 178m^2 cho ông H sử dụng và nộp thuế theo quy định; được xác định bởi các mốc giới C,Y,O,Q: phía Nam (OQ) và phía Bắc (YC) đều= 13,5m; phía Đông (QC) =12,7m; phía Tây (OY)= 13,61m.

9/ Về thực hiện nghĩa vụ:

- Diện tích các bên được nhận không đồng đều, nhưng bà K, bà L, bà H, anh Lư, thống nhất không yêu cầu ông H, bà K, anh Lư thanh toán giá trị chênh lệch về diện tích đất cho nhau.

- Anh Trần Văn N có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn H 35.250.000đ về giá trị diện tích đất anh được sử dụng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và giành quyền kháng cáo

Ngày 16/7/2018, bị đơn ông Trần Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị xem xét công sức đóng góp trong quá trình chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ của vợ cH ông và yêu cầu các đồng thừa kế phải hoàn trả lại toàn bộ giá trị xây dựng, tôn tạo cùng toàn bộ giá trị cây trồng do ông đã tạo dựng trên diện tích đất đang tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký đã tuân theo đầy đủ, đảm bảo các quy định của BLTTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 310 của BLTTDS, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm (có văn bản phát biểu kèm theo).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà. Sau khi nghe lời trình bày, tranh luận của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ "Tranh chấp chia di sản thừa kế" và xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan (do ông H, bà Ng, ông Th, chị L có đơn xin vắng mặt) là đúng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn H có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung giải quyết của vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng về thời hiệu khởi kiện cũng như xác định khối di sản của cụ Trần Văn H và cụ Vũ Thị Cậy để lại cho các con tại thửa số 242, tờ bản đồ 01 (xóm 7 xã Nga L, huyện Nga Sơn) gồm 1.300m^2 đất ở + đất vườn đã được UBND huyện Nga Sơn cấp GCNQSDĐ mang tên cụ H là đúng. Trước khi chết cụ Cậy và cụ H không để lại di chúc hợp pháp, do đó di sản cần phải đưa ra chia thừa kế theo pháp luật cho các con là có căn cứ.Đối với diện tích đất canh tác 1.500m^2 tại thửa 147 và thửa 294 có trong GCNQSDĐ mang tên cụ H, các bên không yêu cầu giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không phân chia là đúng.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét công sức chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ và yêu cầu các đồng thừa kế phải hoàn trả toàn bộ giá trị xây dựng, tôn tạo, toàn bộ giá trị cây trồng trên diện tích đất tranh chấp, ngoài ra còn yêu cầu xem xét việc ông H đã trả tiền nợ sản và nộp thế sử dụng đất thay cho cụ H, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định các yêu cầu của bị đơn là yêu cầu "phản tố" là không đúng, mà các yêu cầu của bị đơn được coi là ý kiến trình bày và cần được giải quyết trong cùng vụ án, nếu có căn cứ thì trích công sức, nếu không có căn cứ thì bác yêu cầu sau đó mới phân chia di sản (theo Điều 658 Bộ luật dân sự). Tại cấp sơ thẩm, bị đơn có xuất trình xác nhận của một số người làm chứng về việc làm móng nhà, đào ao, chở đất đắp nền cho ông H, tuy nhiên chưa được Tòa án cấp sơ thẩm lấy lời khai và quá trình thẩm định chưa xem xét. Việc bản án sơ thẩm tiến hành phân chia di sản trước và giành quyền cho bị đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết công sức bằng vụ kiện dân sự khác (mục [8]) là không giải quyết triệt để vụ án và không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm. Do đó cần chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải

quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Tuy nhiên trong vụ án này, việc giải quyết chưa đầy đủ nêu trên có phần trách nhiệm của bị đơn không giao nộp đầy đủ và kịp thời tài liệu, chứng cứ nên bị đơn phải rút kinh nghiệm.

[5] Về cách ghi mốc giới và mô tả ranh giới, mốc giới các thửa đất được phân chia trong Quyết định của bản án sơ thẩm trừu tượng khó hiểu như ý kiến của Kiểm sát viên là đúng. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiên cứu tham khảo Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để tuyên cho đúng.

[6] Về án phí, do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự, về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH14, hoàn trả 300.000đ tạm ứng án phí kháng cáo cho ông Trần Văn H theo Biên lai thu số AA/2016/0002845 ngày 24/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND huyện Nga Sơn;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Chinh